

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN ĐỊA LÍ
HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC 2023 - 2024**

I. MÔN: ĐỊA LÍ 10 (Sách Chân trời sáng tạo)

1. Nội dung kiểm tra.

- Chủ đề về Trái Đất; Thạch quyển; Khí quyển; Thủy quyển; Thực hành (bảng số liệu, biểu đồ).

2. Hình thức kiểm tra: 60% Trắc nghiệm – 40% tự luận. **THỜI GIAN LÀM BÀI:** 45 phút.

3. Ma trận đề kiểm tra:

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TNKQ)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	A. Chủ đề: Trái Đất	A1. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.	1		2						
2	B. Chủ đề: Thạch quyển	B1. Thạch quyển, nội lực	1		1						
		B2. Ngoại lực	2		1						
3	C. Chủ đề: Khí quyển	C1. Khái niệm khí quyển, sự phân bố Nhiệt độ không khí.	2		1						
		C2. Khí áp và gió	2		2			a*		b*	
		C3. Mưa	2		1						
4	D. Chủ đề: Thủy quyển	D1. Khái niệm thủy quyển, Nước trên lục địa	2		1			a*			
		D2. Nước biển và đại dương	2		1			a*			
5	E. Thực hành	E1. Bảng số liệu, biểu đồ.						a*		b*	
Tổng số câu			14		10			1 (a*)		1 (b)*	
Tổng hợp chung			60%				40%				

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- (a*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: C.2 hoặc D.1 hoặc D.2 hoặc E.1
- (b*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng cao thuộc đơn vị kiến thức: C.2 hoặc E.1
- Mỗi câu hỏi tự luận gồm 02 ý (a,b).

II. MÔN: ĐỊA LÍ 11 (Sách Cánh diều)

1. Nội dung kiểm tra: Khu vực Mỹ Latinh; Liên minh châu Âu (EU); Khu vực Đông Nam Á; Thực hành (Bảng số liệu, biểu đồ).

2. Hình thức kiểm tra: 60% Trắc nghiệm – 40% tự luận. THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút.

3. Ma trận đề kiểm tra:

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TNKQ)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	A. Khu vực Mỹ Latinh	A1. Kinh tế khu vực Mỹ Latinh	2								
2	B. Liên minh châu Âu (EU)	B1. Eu – một liên kết kinh tế khu vực lớn	2		1						
		B2. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.	1		1						
3	C. Khu vực Đông Nam Á	C1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên.	3		1			a*		b*	
		C2. Dân cư, xã hội.	2		1						
		C3. Kinh tế	2		1			a*		b*	
		C4. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2		1						
4	D. Thực hành	D1. Bảng số liệu, biểu đồ			4			a*		b*	
Tổng số câu			14		10			1 (a*)		1 (b)*	
Tổng hợp chung			60%				40%				

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- (a*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: C.1 hoặc C.3 hoặc D.1
- (b*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng cao thuộc đơn vị kiến thức: C.1 hoặc C.3 hoặc D.1
- Mỗi câu hỏi tự luận gồm 02 ý (a,b).

III. MÔN: ĐỊA LÍ 12

1. Nội dung kiểm tra.

- Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.
- Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Thực hành (bảng số liệu, biểu đồ).

2. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm 40 câu (100%). Thời gian làm bài: 45 phút (khối 12 ban KHTN); 50 phút (khối 12 ban KHXH)

3. Ma trận đề kiểm tra:

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			Số CH		Số CH		Số CH		Số CH		Số CH TN	%
1	A. Đặc điểm chung của tự nhiên	A1. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	3		2		1		1		7	17,5%
		A2. Thiên nhiên phân hoá đa dạng	3		2		2				7	17,5%
2	B. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên	B1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.	2		2		1		1		6	15%
		B2. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.	2		2		2				6	15%
3	C. Thực hành	C1. Thực hành: Atlat, bảng số liệu, biểu đồ	6		4		2		2		14	35%
Tổng			16		12		8		4		40	
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%			100%
Tỉ lệ chung			70%				30%					

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Mỗi câu trắc nghiệm khách quan được tính 0,25 điểm, số lượng các câu hỏi theo tỉ lệ như trong ma trận.